**TIẾNG VIỆT**

**TUẦN 24**

*Ngày dạy: Thứ 2/ 8/ 3 / 2021*

**CHỦ ĐỀ: MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU**

**Bài 4: CÂY BÀNG VÀ LỚP HỌC ( 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng hai khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ.

**2. Kĩ năng**: Phát triển kĩ năng đọc; kĩ năng viết (qua viết câu trả lời, hoàn thành câu và viết câu vào vở, nghe viết một đoạn ngắn; kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của văn bản và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3. Năng lực:** Phát triển khả năng làm việc nhóm; năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, năng lực quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và đặt câu hỏi, suy luận từ tranh được quan sát.

**4. Phẩm chất:** Phát triển phẩm chất tình yêu đối với trường lớp, thầy cô và bạn bè.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, màn hình.

2. Học sinh: SGK

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và Khởi động.**  a. Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  b. Khởi động:  -GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi:  *+ Tranh vẽ cây gì?*  + *Em thường thấy cây này ở đâu?*  -GV chốt và giới thiệu bài mới | **-** HS thực hiện yêu cầu.  -HS trao đổi trong nhóm  + Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi.  + *Cây bàng và lớp học.*  *+ Ở sân trường,…*  - Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  -HS lắng nghe. |
| **2. Đọc**  - GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - Cho HS đọc từng dòng thơ:  + Đọc lần 1:  + GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS *(xoè, xanh mưốt, quên, buổi, tưng bừng).*  + Đọc lần 2:  + GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  - HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + YC một số HS đọc nối tiếp từng khổ, 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa từ:  *- tán lá:* lá cây tạo thành hình như cái tán  - *xanh mướt:* rất xanh và trông thích mắt; *tưng bừng:* nhộn nhịp, vui vẻ.  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  + Một số HS đọc khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - Cho HS đọc cả bài thơ:  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ.  **3.Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ.  - Cho HS viết những tiếng tìm được vào vở.  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - HS lắng nghe.  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1.  - Luyện đọc từ khó. CN-ĐT  - HS đọc nối tiếp từng dòng thơ. (Lần 2)  - HS luyện đọc  -HS theo dõi.  - HS đọc theo hướng dẫn.  -Lắng nghe  - HS đọc trong nhóm.  - HS đại diện nhóm đọc thi.  - HS đọc theo yêu cầu.  - Đọc CN-ĐT.  -HS làm việc theo yêu cầu.  - Cho HS viết những tiếng tìm được vào vở.  - HS trình bày kết quả.  -HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi:  *a. Trong khổ thơ đầu, cây bàng như thế nào?*  *b. Cây bàng ghé cửa lớp để làm gì?*  *c. Thứ hai, lớp học như thế nào?*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  *a. Cây bàng trồng đã lâu năm (già), nhưng vẫn xanh tốt (Tán lá xoè ra/ Như ô xanh mướt)*  *b. Cây bàng ghé cửa lớp để nghe cồ giáo giảng bài.*  *c. Thứ hai, lớp học nhộn nhịp và vui vẻ (tưng bừng).* | - HS làm việc nhóm 4 (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về câu trả lời cho từng câu hỏi .  -HS đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận.  -HS lắng nghe. |
| **5.Học thuộc lòng.**  - GV treo bảng phụ hai khổ thơ đầu.  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ đầu bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong hai khổ thơ này cho đến khi xoá/ che hết. (Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng cả hai khổ thơ.)  **6.Trò chơi *Ngôi trường mơ ước:*** Nhìn hình nói tên sự vật  - Mục tiêu: mở rộng và tích cực hoá vốn từ theo chủ đề trường học.  - GV treo tranh vẽ và phổ biến cách chơi: HS nhìn hình ảnh để gọi tên không gian của trường học. Chia nhóm để chơi, nhóm nào đoán nhanh và trúng nhiều nhất là thắng.  - Cho HS chơi theo nhóm.  - Yêu cầu các nhóm nêu kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.  **7.Củng *cố.***  *- GV yêu* cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - HS nêu ý kiến về bài học.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS theo dõi.  - Một HS đọc thành tiếng hai khổ thơ đầu.  - HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần theo CN- tổ- nhóm.  -HS quan sát tranh và theo dõi GV hướng dẫn.  -HS thảo luận trong nhóm, ghi kết quả vài bảng con  -Báo cáo trước lớp.  -HS nêu những điều mình hiểu biết sau tiết học.  -HS lắng nghe.  -HS nêu cảm nghĩ sau tiết học. |

*Ngày dạy: Thứ 3/ 9/ 3 / 2021*

**Bài 5 : BÁC TRỐNG TRƯỜNG (4 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Đọc đúng, rõ ràng một văn bản thông tin ngắn viết dưới dạng tự sự; đọc đúng vần *eng* và tiếng, từ ngữ có vần này; hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến văn bản; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Kĩ năng**: Phát triển kĩ năng đọc; kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong văn bản đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của văn bản.

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, năng lực quan sát và suy đoán nội dung tranh minh hoạ. khả năng làm việc nhóm, khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**4. Phẩm chất:** Có ý thức tuân thủ nền nếp học tập (đi học đúng giờ, theo hiệu lệnh ở trường học).

**II CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, màn hình, bài hát Tiếng trống trường em của nhạc sĩ Trần Thanh Tùng.

2. Học sinh: SGK, vở, bút.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động** | |
| - Ôn: Tiết trước em học bài gì?  - 1 HS đọc thuộc lòng 1 khổ thơ và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung khổ thơ đó.  - Khởi động:  - Cho học nghe và hát theo bài hát Tiếng trống trường em.  - GV dẫn dắt vào bài mới.  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a. *Em thấy những gì trong tranh?*  b. *Trong tranh, đồ vật nào quen thuộc với em nhất? Nó được dùng để làm gì?*  + Cho một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung.  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Bác trống trường.* | - Cây bàng và lớp học  - HS đọc  - HS nghe, hát  - HS quan sát tranh và trao đổi trong nhóm về câu hỏi GV đưa ra.  - HS trình bày kết quả trước lớp. |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu toàn VB.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ chứa vần mới  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ chứa vần mới trong VB *(reng reng).*  + GV đưa từ *reng reng* lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu vần *eng* và từ *reng reng,* HS đọc theo đồng thanh.  - Cho HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ khó như: *tiếng, dõng dạc, chuông điện, thỉnh thoảng, reng reng...*  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  VD: *Ngày khai trường,/ tiếng của tôi dõng dạc/ “tùng...tùng...tùng...”,/ báo hiệu một năm học mới; Bây giờ/ có thêm anh chuông điện,/ thỉnh thoảng/ củng “reng... reng...reng” báo giờ học; Nhưng/ tôi vẫn là/ người bạn thân thiết/ của các cô cậu học trò.)*  - HS đọc đoạn  + Bài được chia làm mấy đoạn?  + GV chia VB thành các đoạn ( đoạn 1 : từ đầu đến bao giờ , đoạn 2 : tiếp theo đến năm học mới , đoạn 3 : phần còn lại ).  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (đẫy đà: to tròn, mập mạp; nâu bỏng màu nâu và có độ nhẵn, bóng bảo hiệu cho biết một điều gì đó sắp đến).  + HS đọc đoạn theo nhóm  - GV cho HS đọc toản VB  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi | -HS lắng nghe.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài.  -HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  - HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn.  - HS đọc nối tiếp từng cầu lần 2.  -Luyện đọc câu dài theo hướng dẫn.  - 3 đoạn  -HS đánh dấu đoạn trong SGK  - HS đọc nối tiếp từng đoạn.  -HS lắng nghe.  -HS đọc theo nhóm 3.  + 1, 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.  + Lớp đọc ĐT toàn VB  -HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| -GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi:  a . Trống trường có vẻ ngoài như thế nào ?  b . Hằng ngày, trống trường giúp học sinh việc gì?  c . Ngày khai trường, tiếng trống bảo hiệu điều gì ?  -GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  -GV và HS thống nhất câu trả lời:  (a. Trong trường có vẻ ngoài đẫy đà, nước da nâu bóng.  b. Hằng ngày , trong trường giúp học sinh ra vào lớp đúng giờ.  c. Ngày khai trường, tiếng trống báo hiệu một năm học mới đã đến.)  Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS ( nếu cần). | -HS làm việc nhóm đôi để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  - Đại diện nhóm đứng lên trả lời câu hỏi.  -HS lắng nghe. |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3** | |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. (Hằng ngày, trong trường giúp học sinh ra vào lớp đúng giờ.)  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu , đặt dấu chấm , dấu phẩy đúng vị trí GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | -HS quan sát và viết câu trả lời vào vở  -Một số HS đọc lại câu trả lời của mình. |
| **\* Củng cố**  **-** Em học được những gì sau bài học hôm nay.  - GV tóm tắt lại nội dung chính;  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - HS lắng nghe. |

*Ngày dạy: Thứ 4/ 10/3 / 2021*

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **\*Ôn và khởi động**  - Yêu cầu 2 HS đọc lại bài Bác trống trường và TLCH  -GV nhận xét.  - Cho lớp hát theo nhạc bài: Em yêu trường em | -HS thực hiện yêu cầu.  -Lớp hát tập thể. |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. (Năm nào cũng vậy, chúng em háo hức chờ đón ngày khai trường.)  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | -HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  -HS thực hiện yêu cầu. |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh** | |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh .  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dung các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  -GV cho HS nhận xét, tuyên dương. | -HS quan sát tranh.  -HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  -HS trình bày kết quả nói theo tranh |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết** | |
| - GV đọc to cả hai câu. (Thỉnh thoảng có chuông điện báo giờ học. Nhưng trống trường vẫn là người bạn gần gũi của học sinh.) GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết:  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu cầu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: chuông điện .  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách. Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ. Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chỉnh tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi ..  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | -HS lắng nghe.  -HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  -HS viết  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  -HS lắng nghe, sửa lỗi. |
| **8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc “Bác trống trường” từ ngữ có tiếng chứa vần ang , an , au , ao** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.  - GV viết những từ ngữ này lên bảng.  - Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần. | - HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần: ang, an, au, ao.  - HS nêu những từ ngữ tìm được. |
| **9. Đọc và giải câu đố** | |
| - GV đưa tranh về chuông điện, trống trường, bàn ghế, bảng lớp và lần lượt đưa ra các câu đố:  Ở lớp, mặc áo đen, xanh  Với anh phấn trắng, đã thành bạn thân.  ( Bảng lớp )  “ Reng reng " là tiếng của tôi  Ra chơi, vào học, tôi thời bảo ngay.  ( Chuông điện )  - Giáo viên có thể đưa thêm các câu đố dưới đây ( tuỳ vào tình hình thực tế của lớp học ) .  + Thân bằng gỗ Mặt bằng da Hệ động đến Là kêu la Gọi bạn tới Tiến bạn về Đứng đầu hè cho người đánh. (Trong trường) Hai đầu, một mặt, bổn chắn, Các bạn trẻ nhỏ kết thân hằng ngày. ( Bàn ghế )  - GV có thể nói thêm về đặc điểm ( chất liệu, hình dáng, kích thước, mầu sắc, ... ) và công dụng của 4 vật dụng trên.  Câu trả lời gợi ý: Bảng lớp thường bằng gỗ, có mặt phẳng, ta rộng, màu đen hoặc xanh, dùng để viết chữ lên, chuông điện: vật làm bằng kim loại, phát ra âm thanh nhà nguồn điện, dùng để tự động báo giờ bắt đầu hoặc kết thức hoạt động nào đó. Trống trường bằng gỗ, hai đấu bọc da, thân tròn, dùng để bảo giờ vào học, giở ra về, giờ ra chơi, bão năm học mới. Bàn ghế thường bằng gỗ, cỏ mặt phẳng, có chân đứng vững, dùng để kẻ viết và ngồi.)  -Cho 2- 3 HS trình bày trước lớp.  -GV và HS khác nhận xét. | - Một số ( 2 - 3 ) HS đọc câu đố .  -HS giải câu đố về các vật dụng thân thiết với trường học và nói về công dụng của mỗi vật.  -2- 3 HS trình bày trước lớp. |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học  -GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - Cho HS nêu ý kiến về bài học.  -GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học .  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS nêu  - HS lắng nghe.  - HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) . |

**BÀI 6 . GIỜ RA CHƠI (4 tiết)**

**I MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Đọc đúng, rõ ràng bài thơ, hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng một khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ, quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Kĩ năng**: Phát triển kĩ năng đọc; kĩ năng thuộc lòng, kĩ năng tìm tiếng cùng vần.

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, năng lực quan sát và suy đoán nội dung tranh minh hoạ, khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi

**4. Phẩm chất:** Phát triển phẩm chất tình cảm và sự gắn kết với bạn bè.

**II.CHUẨN BỊ**

1. GV Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính, máy chiếu, Cho tôi đi làm mưa với.

2. Học sinh: SGK, vở, bút.

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ôn và khởi động** | |
| - Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó .  - Khởi động  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi .  a. Trong giờ ra chơi, em và các bạn thường làm gì?  b. Em cảm thấy thế nào khi ra chơi  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài thơ Giờ ra chơi. | -HS nhắc lại  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác. |
| **2. Đọc** | |
| -GV đọc mẫu bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  -HS đọc từng dòng thơ  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1, GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS.  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  -GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  -HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ .  + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ, 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ (nhịp nhàng: rất đều; vun vút: rất nhanh).  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm,  + Một số HS đọc khổ thơ, mỏi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá.  HS đọc cả bài thơ.  + Lớp học đồng thanh cả bài thơ. | -HS lắng nghe.  -HS đọc từng dòng thơ  -HS đọc từng khổ thơ  +1 - 2 HS đọc thành tiếng củ hải thơ |
| **3. Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vẳn với nhau** |  |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ vả tìm tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ.  GV và HS thống nhất câu trả lời ( trắng - nắng , gái - ái - tai - tải , nhàng - vang - vàng - tran). | HS làm việc nhóm , cùng đọc lại bài thơ vả tìm tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ  HS viết những tiếng tìm đượC vào vở . GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả , GV và HS nhận xét , đánh giá |
| **\* Củng cố**  **-** Em học được những gì sau bài học hôm nay.  - GV tóm tắt lại nội dung chính;  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | -HS nêu những điều đã học.  -HS lắng nghe. |

*Ngày dạy: Thứ 5/ 11/3 / 2021*

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **\*Khởi động:**  - Cho HS hát và vận động theo nhạc bài: Cho tôi đi làm mưa | **-**Lớp hát |
| **4. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  a . Những trò chơi nào được nói tới trong bài ?  b . Những từ ngữ nào cho biết các bại chơi trò chơi rất giỏi ?  c . Giờ ra chơi của các bạn như thế nào ?  - GV và HS thống nhất câu trả lời ( a . Trò chơi nhảy dây và trò chơi đá cấ ; b . nhịp nhàng , vòng quay đều , bay vun vút , móc rất tài ; c . Giờ ra chơi của các bạn vui , rộn tiếng cười hoà Vang . ) . | - HS làm việc nhóm ( có thể đọc to từng câu hỏi ) , cùng nhau trao đổi và trả lời từng cấu hỏi . GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời . Các bạn nhận xét , đánh giá , |
| **5. Học thuộc lòng** | |
| GV treo bảng phụ hoặc trình chiểu khổ thơ thứ hai và thứ ba .  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng khổ thơ thứ hai và thứ ba bằng cách xoả che dần một số từ ngữ trong hai khổ thơ cho đến khi xoả che hết .. Chủ ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng hai khổ thơ này . | - Một HS đọc thành tiếng khổ thơ thứ hai và thứ ba  HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá che dần |
| **6. Trò chơi Nhìn hình đoán tên trò chơi** | |
| - Chuẩn bị : GV chuẩn bị một số thẻ tranh về trò chơi dân gian như Bịt mắt bắt dê , Chơi chuyển , Trốn tìm , Cướp cờ , Kéo co , Nhảy bao bố , Tranh bóng  ( Lưu ý : tuỳ theo lượng thời gian , GV có thể sử dụng số trò chơi nhiều hay ít ) .  Cách chơi : GV tạo một số nhóm chơi , số HS trong mỗi nhóm có thể linh hoạt , GV gọi 1 HS đại diện cho nhóm 1 lên bàng quan sát tranh ( Lưu ý : mặt sau của tranh quay về phía lớp học sao cho HS trong lớp không quan sát được tranh ) . Sau khi quan sát tranh , HS này có nhiệm vụ dùng ngôn ngữ cơ thể để mô tả trò chơi được vẽ trong tranh . Các thành viên còn lại của nhóm có nhiệm vụ quan sát và nói được tên trỏ chơi . Phần thắng thuộc về nhóm trả lời đúng , nhanh , mô phỏng trò chơi chính xác. Lần lượt đến nhóm 2, nhóm 3 và các nhóm tiếp theo.  - Thời gian quy định cho mỗi lượt chơi: 1 phút.  Nhóm mất lượt chơi là nhóm trả lời sai hoặc hết thời gian quy định nhưng chưa tìm được đáp án, Trò chơi được tổ chức thành hai vòng. Mỗi nhóm quan sát một tranh. | HS tham gia trò chơi |
| **7.Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học.  - GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học. GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.  - GV giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ hoặc một câu chuyện về trường học để chuẩn bị cho bài học sau. (GV cũng cần chủ động chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện về trường học để cung cấp thêm nguồn tài liệu đọc mở rộng cho HS.) | -HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. |

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Đọc đúng, rõ ràng các văn bản trong chủ đề “Mái trường mến yêu” thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về nhà trường; thực hành đọc mở rộng một bài thơ, một câu chuyện hay hát bài hát về trường học, nói cảm nghĩ về bài thơ, câu chuyện hoặc bài hát; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước ( nhà trưởng ).

**2. Kĩ năng**: Phát triển kĩ đọc mở rộng một bài thơ, một truyện kể hay quan sát một bức tranh về mái trường, nói cảm nghĩ về bài thơ, truyện kể hoặc bức tranh; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ đề cho trước (mái trường).

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề. Bước đầu có khả năng khái quát hoá những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài .

**4. Phẩm chất:** Phát triển phẩm chất biết quan tâm, giúp đỡ, yêu thương bạn bè trong lớp, trường.

**II .CHUẨN BỊ**

- Phương tiện dạy học: Một số bài thơ, câu chuyện, bài hát về chủ điểm nhà trường (có thể lấy từ tủ sách của lớp) để HS dọc hoặc tập hát ngay tại lớp.

- Có thể dùng thiết bị máy chiếu để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Tìm từ ngữ có tiếng chứa vẫn yêm, iêng, eng, uy, oay** | |
| GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cẩn tìm có thể đã học hoặc chưa học.  \* Nhóm vần thứ nhất :  + Cho HS làm việc nhóm đối để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chữa các vần về yêm, iêng, eng  + Cho HS nêu những từ ngữ tìm được, GV viết những từ ngữ này lên bảng.  + Cho một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Cả lớp đọc đồng thanh một số lẩn.  \* Nhóm vần thứ hai:  + Cho HS làm việc nhóm đối để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chữa các vần uy, oay.  + Yêu cầu HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.  + Cho một số ( 2 – 3 ) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ, Cả lớp đọc đồng thanh một số lần. | -HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần.  -Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Cả lớp đọc đồng thanh một số lẩn.  -HS làm việc nhóm đối để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chữa các vần uy, oay.  -HS nêu những từ ngữ tìm được.  -Một số ( 2 – 3 ) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ, Cả lớp đọc đồng thanh một số lần. |
| **2. Tìm từ ngữ về trường học** | |
| - GV gợi ý cho HS: Trong các từ ngữ đã cho, từ ngữ nào chỉ những người làm việc ở trường? Từ ngữ nào chỉ đố vật dùng để dạy và học? Từ ngữ nào chỉ không gian, địa điểm trong trường ...  - Yêu cầu HS đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  - GV và HS thống nhất phương án đúng: Những từ ngữ về trường học: lớp học, thầy giáo, cô giáo, hiệu trưởng, bút, vở, sách, bảng. Lưu ý HS là không phải từ ngữ nào chỉ sự vật, hoạt động có ở trường thì cũng là từ ngữ về trường học, chẳng hạn cây bàng, cửa sổ, ghế đá, vui chơi, ... không phải là từ ngữ về trường học. | - HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.  - Một số ( 2 - 3 ) HS trình bày kết quả.  -HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **3. Kể về một ngày ở trường của em** | |
| - GV có thể gợi ý:  + Em thường đến trường lúc mấy giờ ? Rời khỏi trường lúc mấy giờ ?  + Ở trường, hằng ngày, em thường làn những việc gì ?  + Việc gì em thấy thú vị nhất ? ...  -Cho một số HS trình bày trước lớp, nói về một ngày ở trường của mình. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách kể hấp dẫn, nêu được những chi tiết thú vị. Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi. | - HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.  -Một số HS trình bày trước lớp, nói về một ngày ở trường của mình. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.  -HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Viết 1-2 cầu về trường em** | |
| - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + Tranh vẽ gì?  -Yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.  -GV nhận xét, chốt ý.  - GV nêu câu hỏi:  +Trường học của em có những gì?  +Tình cảm của em với ngôi trường?  - GV nhận xét, chốt ý.  - Yêu cầu HS tự viết 1- 2 cầu về trường theo suy nghĩ riêng của mình. Nội dung viết có thể dựa vào những gì mà các em đã trao đổi kết hợp với nội dung mà GV và một số bạn đã trình bày trước lớp.  - Cho HS đọc bài viết.  - GV nhận xét một số bài, khen ngợi một số HS viết hay, sáng tạo. | - HS làm việc nhóm đôi, quan sát tranh vẽ ngôi trường và trao đổi với nhau về những gì quan sát được.  - HS trình bày những gì đã trao đổi về ngôi trường trong tranh.  -HS nói về ngôi trường của mình.  -Viết vảo vở theo yêu cầu của bài.  -Đọc bài trước lớp.  -Lắng nghe. |
| **5. Đọc mở rộng** | |
| - Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ hoặc một câu chuyện về trường học. GV cũng có thể chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.  - GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi những HS đọc thơ, kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ một số ý tưởng thú vị. Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi tóm tắt lại nội dung chính, nhận xét, khen ngợi, động viên HS.  **6. Củng cố**  **-** Em học được những gì sau bài học hôm nay.  - GV tóm tắt lại nội dung chính;  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS làm việc nhóm 4. Các em đọc thơ, kể chuyện hay nói về bài thơ, câu chuyện mới đọc được cho bạn nghe. Một số ( 3 – 4 ) HS đọc thơ, kể chuyện hoặc chia sẻ ý tưởng bài thơ, truyện kể đã đọc trước lớp.  - Một số HS khác nhận xét, đánh giá.  - HS nêu ý kiến.  - HS lắng nghe.  - HS nhận xét, đánh giá tiết học. |

*Ngày dạy: Thứ 6/ 12/ 3 / 2021*

**LUYỆN TẬP CỦNG CỐ CÁC KĨ NĂNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Đọc đúng, rõ ràng văn bản Cây bàng và lớp học, Bác trống trường, Giờ ra chơi và trả lời đúng các câu hỏi;biết sử dụng vốn từ sẵn có để viết câu, biết sắp xếp các từ ngữ thành câu, viết đúng chính tả và làm đúng các bài tập chính tả.

**2. Kĩ năng**: Phát triển kĩ năng đọc; kĩ năng tìm tiếng có vần đã học, kĩ năng sắp xếp câu và viết lại câu hoàn chỉnh.

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, năng lực quan sát và suy đoán. khả năng làm việc nhóm, khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**4. Phẩm chất:** Phát triển phẩm chất tình yêu đối với trường lớp, thầy cô và bạn bè.

**II. CHUẨN BỊ**

1. **Giáo viên:** Phương tiện dạy học: máy chiếu đa vật thể, Tranh minh hoạ các

bài học. Thăm ghi tên các bài học trong tuần. video bài hát Lớp Một thân yêu.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa.

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** - Cho HS hát kết hợp vận động theo bài hát: Lớp Một thân yêu **2. Luyện đọc:**  - GV yêu cầu HS luyện đọc lại bài Quạt cho bà ngủ, Bữa cơm gia đình, Ngôi nhà và trả lời các câu hỏi trong SGK (1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời và ngược lại) theo nhóm đôi.  - Mời một số nhóm đọc trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét.  - Cho HS lên thi đọc cá nhân: bốc thăm và đọc bài và TLCH trước lớp.  - Cả lớp đọc đồng thanh lại 1 lần.  **3. Luyện viết chính tả:**  - GV đọc to cả hai câu. (Thỉnh thoảng có chuông điện báo giờ học. Nhưng trống trường vẫn là người bạn gần gũi của học sinh.) GV lưu ý HS một số vần đề chính tả trong đoạn viết:  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu cầu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: chuông điện.  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi  + Cho HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của HS. | - HS vận động theo bài hát  - HS luyện đọc và trả lời theo nhóm đôi.  - HS thực hiện trước lớp.  - Nhận xét bạn đọc.  - HS đọc cả bài và và TLCH.  - Lớp đọc ĐT.  - HS lắng nghe.  - HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - HS nghe viết cẩn thận vào vở.  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi . |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  -Trò chơi Truyền điện kể một số từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè.  **2. HD học sinh làm một số bài tập tuần 24.**  **Bài 3 (Trang 26): Chọn từ ngữ đúng điền vào chỗ trống**  -GV nêu yêu cầu bài tập  -Hướng dẫn HS làm:  + Cho HS thảo luận cặp đôi để chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống  + Yêu cầu đại diện trình bày trước lớp.  + GV chốt kết quả đúng.  + Cho HS làm việc cá nhân: viết vào chỗ trống từ ngữ đúng vừa tìm được  + GV kiểm tra, đánh giá  **Bài 3 (Trang 27): Nối A với B**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - Hướng dẫn HS làm: GV hướng dẫn HS tìm sự phù hợp giữa tử ngữ ở cột A với tử ngữ ở cột B.  - Cho HS trình bày bài làm.  - GV và HS thống nhất đáp án.  - GV và học sinh nhận xét.  **3. Củng cố**  - Mời HS chia sẻ điều em đã học được.  - Mời HS nhận xét tiết học  - GV nhận xét, khen ngợi HS. Dặn dò HS đọc ôn lại các bài đọc đã học, khuyến khích HS thực hành nói lời về tình cảm bạn bè, thầy cô, mái trường. | - HS tham gia trò chơi  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS thảo luận.  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - HS làm bài.  - HS lắng nghe.  -HS làm bài cá nhân.  - 2 - 3 HS trình bày.  - HS nhận xét bạn.  - HS lắng nghe, sửa lỗi.  - HS chia sẻ.  - HS nhận xét tiết học.  - Lắng nghe. |

**TOÁN: TUẦN 24**

*Ngày dạy: Thứ 2/ 1/ 3/ 2021*

**Bài 26:** **ĐƠN VỊ ĐO DỘ DÀI ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**Nhận biết được đơn vị đo độ đài dạng đơn vị tự quy ước và đơn vị đo cm (xăng-ti-mét). Có biểu tượng về “độ dài” của vật (theo số đo bằng đơn vị quy ước

hoặc đơn vị đo cm).

**2. Kĩ năng:** Biết cách đo độ dài một số đồ vật theo đơn vị cm hoặc đơn vị tự quy ước.

**3. Năng lực:** Qua hoạt động thực hành đo, HS biết phân tích, so sánh độ đài các vật theo số đo của vật. Phát triển tư duy qua ước lượng, so sánh độ đài của các vật trong thực tế. Thông qua việc giải quyết tình huống ở hoạt động 3, học sinh có cơ hội phát triển năng lực giải quyết vấn đề. Thông qua trò chơi, việc thực hành giải quyết các bài tập học sinh có cơ hội phát triển năng lực giao tiếp toán học.

**4. Phẩm chất:** Phát triển các phẩm chất chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm qua quá trình thực hành các bài tập.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. GV**: Bộ đồ đùng học Toán 1; Thước kẻ có vạch chia cm. Một số đồ vật thật để đo độ dài (như trong SGK): 1 c bút mực, 1c sáp màu, 1c bút chì, 1 cây cọ lông.

**2. HS**: Đồ dùng học toán 1, giấy màu (mỗi em 1 tờ).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động:**  **Mục tiêu:** Tạo động lực, niềm vui, hứng thú vào tiết học.  **Trò chơi**: “*Đoán ý đồng đội*”  GV cho 1 học sinh sẽ lựa chọn đồ vật trong túi đưa gợi ý cho các bạn đoán. Các đồ vật trong túi là đồ dùng học tập như bút, thước, gôm........  **GVNX**: *cô muốn đo chiều dài cây viết phải thực hiện như thế nào?*  *-* GV giới thiệu tựa bài.  **Hoạt động 2: Khám phá** Xăng-ti-met  **Mục tiêu:** HS nhận biết được thước thẳng có vạch chia xăng -ti- mét, đơn vị đo xăng-ti-mét.  -GV giới thiệu thước kẻ thẳng có vạch chia xăng -ti- mét  - Đơn vị đo xăng-ti-mét (ước lượng độ dài khoảng 1 đốt ngón tay của HS),  - Cách viết tắt 1 xăng-ti-mét là cm (1 cm đọc là một xăng-ti-mét). Cho HS viết bảng con.  - GV giới thiệu cách đo một vật (bút chỉ) bằng thước có vạch chia xăng-ti-mét (đặt một đầu bút chì ở vạch 0 của thước, vạch cuối của bút chỉ ứng với số nào của thước, đó là số đo độ dài của bút chỉ).  - GV nhận xét.  **Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập:**  **Bài 1 :**  - HS kiểm tra cách đo độ dài bút chỉ của ba bạn (đặt thước thẳng và phải áp sát thước với bút chì thẳng hàng, đặt đấu vật cần đo vào đúng số 0 trên thước). Từ đó xác định được ai đặt thước đo đúng.  + *Ai đặt thước sai?*  *+ Bút chì dài mấy xăng – ti – mét?*  Lưu ý:  -Có thể chiếu hình hoặc vẽ to lên bảng để HS thấy rõ các trường hợp đặt thước của  ba bạn.  **-**GV yêu cầu HS thực hiện lại cách đo đúng giống như bạn Nam.  **Bài 2:**  **-**ChoHS nêu yêu cầu.  -GV cho HS thực hành bài tập theo nhóm bốn. HS trong nhóm sẽ tự chọn 3 loại bút như yêu cầu trong bài tập.  a.Đo độ dài mỗi cây bút rồi tìm số thích hợp.  b. Trong các cây bút trên, bút nào dài nhất, bút nào ngắn nhất?  -GV nhận xét.  **Bài 3:**  -ChoHS nêu yêu cầu.  -GV đưa ra bốn đồ vật trên bảng lớp: 1 c bút mực, 1c sáp màu, 1c bút chì, 1 cây cọ lông.  -Cho HS quan sát, ước lượng rồi kiểm tra thực tế.  -GV nhận xét, đánh giá.  **Bài 4:** Mỗi băng giấy dài bao nhiêu xăng-ti-mét?  - GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm đôi.  -GV nhận xét, đánh giá.  **Hoạt động 4: Vận dụng sáng tạo:**  - Trò chơi: “*Hoa tay”*:Từ bài tập 4, GV yêu cầu học sinh cắt các băng giấy màu theo số đo:  Băng giấy màu đỏ: 6 cm;  Băng giấy màu xanh: 9 cm;  Băng giấy màu vàng: 4 cm  -GV nhận xét, đánh giá HS khéo tay.  **Hoạt động 5: Nhận xét, đánh giá, dặn dò:**  + Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Hướng dẫn HS nhận xét tiết học.  -Về nhà em cùng người thân tập đo các vật bằng gang tay. | - Quản trò lên tổ chức cho cả lớp cùng chơi .  - HS tham gia.  -HS lắng nghe  - HS quan sát  -HS quan sát thực tế đốt ngón tay của mình.  - HS đọc, viết bảng con.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  -HS nhắc lại cách đo.  -Bạn Mai, bạn Việt  -5 cm  -HS tập đo đặt thước lại giống bạn Nam.  -HS nêu yêu cầu.  -HS thực hành theo nhóm. Ba bạn thay phiên nhau đo. Một bạn làm thư kí kiểm tra lại kết quả làm của nhóm.  -Dựa vào cách đo độ dài ở phần khám phá, HS biết dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ đài bút chì, bút mực và bút màu sáp nêu số đo (cm) ở vào trong mỗi ô tương ứng.  -Từ các số đo độ dài tìm được, HS so sánh các số đo, xác định được bút dài nhất, bút ngắn nhất.  -HS tự thảo luận nhận xét trong nhóm.  **-**HS nêu yêu cầu.  -HS quan sát rồi ước lượng độ dài mỗi vật (dài khoảng bao nhiêu cm). Sau đó HS biết "kiểm tra” lại bằng thước có vạch chia xăng-ti-mét (đo chính xác). Từ  đó nêu “số đo độ dài ước lượng” và “số đo độ dài chính xác” thích hợp trong mỗi ô.  -HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  -HS thảo luận theo nhóm đôi ghi số ước lượng trong bảng.  -Báo cáo kết quả  -HS cùng nhau đo kiểm tra lại các băng giấy:  Băng giấy màu đỏ: 6 cm;  Băng giấy màu xanh: 9 cm;  Băng giấy màu vàng: 4 cm  -HS tham gia chơi.  -HS chia sẻ.  -HS lắng nghe |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Ngày dạy: Thứ 3/ 2/ 3/ 2021*

**Bài 27**: **THỰC HÀNH ƯỚC LƯỢNG VÀ ĐO DỘ DÀI ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**Có biểu tượng về độ dài các đơn vị đo “quy ước” (gang tay, sải tay, bước chân), đơn vị xăng -ti- mét.

**2. Kĩ năng:** Có kĩ năng ước lượng và đo độ dài những đồ vật thực tế ở trong lớp học,

ở xung quanh, gần gũi các em theo đơn vị “tự quy ước” như gang tay, sải tay, bước

chân và theo đơn vị xăng-ti- mét.

**3. Năng lực:** Phát triển tư duy qua ước lượng, so sánh độ dài của các vật trong thực tế. HS được trải nghiệm, vận dụng cách đo độ dài vào việc đo các đồ vật có trong thực tế, lớp học, qua đó rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề trong thực tế. Qua hoạt động thực hành đo, HS biết phân tích, so sánh độ dài các vật theo số đo của vật.

**4. Phẩm chất:** Phát triển các phẩm chất chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm qua quá trình thực hành các bài tập.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. GV**: Bộ đồ đùng học Toán 1; Thước kẻ có vạch chia cm. Một số đồ vật thật để đo độ dài (như bài 2 trong SGK): bút mực, cục tẩy, bút chì, chì màu, hộp bút. PBT 3/39

**2. HS**: Đồ dùng học toán 1, mỗi em chuẩn bị:1 c bàn chải răng, 1c điều khiển ti vi, 1c tuốc nơ vít.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động:**  **Mục tiêu:** Tạo động lực, niềm vui, hứng thú vào tiết học.  **Trò chơi**: “*Dài, ngắn*”  -GV yêu cầu HS: làm theo lời cô nói, không làm theo tay cô làm.  -GV tổ chức chơi  -GV nhận xét, đánh giá.  *-* GV giới thiệu tựa bài.  **Hoạt động 2: Khám phá**  **Mục tiêu:** Giúp HS có kĩ năng ước lượng và đo độ dài những đồ vật thực tế.  **-**HS quan sát các vật thật có trong thực tế (bút mực, cục tẩy, bút chì, chì màu, hộp bút) ước lượng nhận biết độ dài mỗi đồ vật, từ  đó lựa chọn một trong hai số đo đã cho, số đo nào phù hợp với độ dài thực tế của đồ  vật đó.  - GV tổ chức cho học sinh làm trong phiếu học tập sau đó sửa bài bằng trò chơi “*Tìm bạn thân*” chọn đồ vật và số đo phù hợp.  - GV nhận xét  **Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**  **Bài 1:**  - Gọi HS nêu yêu cầu:  - GV gọi một em lên làm mẫu. Hướng dẫn cho học sinh biết thế nào là một sải tay.  -Dựa vào hình bài 1 đạt vấn đề: *Các bạn Rôbốt đo bảng lớp bằng hình thức nào?*  - Đo chiều dài bảng lớp em bằng sải tay.  HS được đo chiều dài bảng lớp bằng chính sải tay của mỗi em, từ đó cho biết chiều  dài của bảng lớp là khoảng bao nhiêu sải tay của em đó.  (Lưu ý: Hình ảnh Rô-bốt đo chiều dài bảng được khoảng 4 sải tay chỉ là minh hoa gợi ý  cách đo cho HS.)  -GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả.  GVNX: Số đo chiều dài bảng lớp ở các em có thể khác nhau (vì độ dài sải tay của mỗi em có thể dài, ngắn khác nhau).  **Bài 2:**  **-** Cho HS nêu yêu cầu  - GV cho hoc sinh quan sát tranh bài 2. Đưa ra nội dung cho học sinh phân tích, ngoài việc đo bằng sải tay còn đo bằng bước chân. Đo phòng học lớp em bằng bước chân.  - Cho HS đo độ dài phòng học từ mép tường đến cửa ra vào bằng chính bước chân của mỗi em, từ đó cho biết một chiều phòng học của lớp em dài khoảng bao nhiêu bước chân của em đó.  (Lưu ý: Hình ảnh trong SGK là minh hoạ gợi ý cách đo độ dài phòng học bằng bước chân. HS được đo thực tế ở lớp học, GV tránh sử dụng các khái niệm “chiều rộng” hay “chiều dài” mà chỉ giới thiệu là đo từ đâu đến đâu. Số đo độ đài phòng học của lớp ở các em có thể khác nhau (vì độ dài bước chân của mỗi em có thể dài, ngắn khác nhau).  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc.  - GV nhận xét.  **Hoạt động 4: Vận dụng sáng tạo:**  - GV cho các tổ thực hành đo bằng bước chân chiều dài và chiều rộng của nhà để xe, sân khấu, vườn hoa trước của lớp.  -Cho các nhóm báo cáo.  -GV nhận xét, tuyên dương.  **Hoạt động 5: Nhận xét, đánh giá, dặn dò:**  + Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Hướng dẫn HS nhận xét tiết học.  - Về nhà tập đo vật xung quanh nhà mình bằng sải tay, bước chân. Mỗi HS chuẩn bị 1 món đồ chơi cho tiết học sau.  - Nhận xét tiết học. | - Quản trò lên tổ chức cho cả lớp cùng chơi.  - HS tham gia.  - HS quan sát  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  -HS tham gia trò chơi  -HS nêu yêu cầu  -HS quan sát  - HS trả lời.  -HS thực hành đo bảng lớp theo nhóm 6. (HS thực hành theo nhóm. Một bạn làm thư kí kiểm tra lại kết quả làm của nhóm.)  - HS tự thảo luận nhận xét trong nhóm.  - HS ghi số ước lượng trong bảng.  -Đại diện các nhóm báo cáo kết quả  -HS nêu yêu cầu  -HS lắng nghe, quan sát.  - HS thực hành: Đại diện 3 nhóm lên đo phòng học bằng bước chân. Các bạn khác quan sát.  - HS ghi nhớ để thực hiện.  -HS báo cáo kết quả làm việc, lớp nhận xét.  -HS chia theo tổ thực hành đo bằng bước chân chiều dài và chiều rộng: Tổ 1: nhà để xe, Tổ 2: sân khấu, Tổ 3: vườn hoa.  -Đại diện các nhóm báo cáo.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

*Ngày dạy: Thứ 6/ 5/ 3/ 2021*

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động:**  **Mục tiêu:** Tạo động lực, niềm vui, hứng thú vào tiết học.  - Cho HS hát bài “Đồ chơi của em”  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Bài 1:**  **a) Nêu độ dài của mỗi xe đồ chơi**  **-**Gọi HS nêu yêu cầu  -GV yêu cầu học sinh quan sát 1 ô tương đương 1 cm  - Yêu cầu HS dùng thước thẳng có vạch chia xăng -ti-mét để đo độ dài các xe đồ chơi theo đơn vị cm rồi nêu độ dài.  **b) và c) So sánh số đo độ dài của các xe đồ chơi**  -Tổ chức cho lớp chơi trò chơi “Ong tìm nhụy”: HS được chia làm hai nhóm thi đua lên gắn các bảng số tương ứng với chiều dài của đồ chơi.  Tàu hỏa 11cm  xe bồn 5 cm  xe lu 4 cm  xe khách 7 cm  -GV tổng kết trò chơi:  - GV nêu câu hỏi:  *+Đồ dùng nào dài nhất?*  *+Có bao nhiêu xe ngắn hơn xe khách?*  **Bài 2:**  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4, dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét đo độ dài các đồ vật (1 c bàn chải răng, 1c điều khiển ti vi, 1c tuốc nơ vít) như ở câu a, b, c (SGK) rồi nêu số đo tương ứng của mỗi đồ vật, Sau đó so sánh số đo để tìm đồ vật nào dài nhất.  - Gọi các nhóm chia sẻ  - GV nhận xét, kết luận.  **Bài 3:**  - GV gợi ý cho HS nhận thấy bút chì A, bút chỉ C dài hơn bút chỉ B, mà bút chỉ B đo được dải 8 cm, từ đó tìm ra bút chì nào dài hơn 8 cm.  - Hoặc GV có thể gợi ý: Về các vạch thẳng ở đuôi mỗi bút chì xuống thước ở dưới.  Nhận thấy bút chì A dài 10 cm, bút chì B dài 8 em, bút chỉ C dài 12 cm. Từ đó tìm  ra bút chì nào dài hơn 8 cm.  -GV nhận xét, đánh giá.  **Hoạt động 3: Vận dụng sáng tạo:**  -GV cho HS dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét đo chiều dài một số đồ vật thật: bàn học sinh, ghế học sinh.  -Cho HS báo cáo kết quả.  -GV nhận xét, kết luận  **Hoạt động 4: Nhận xét, đánh giá, dặn dò:**  + Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Hướng dẫn HS nhận xét tiết học.  -Về nhà em cùng người thân đo chiều dài của món đồ chơi. | - Quản trò lên tổ chức cho cả lớp cùng hát.  - HS thực hiện.  - HS quan sát  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: đếm số ô vuông để tìm chiếu dài của mỗi đồ chơi). Nêu số đo tương ứng trong mỗi ô.  -HS tham gia trò chơi “Ong tìm nhụy”  -HS trả lời  - Tàu hỏa dài nhất.  - Có 4 xe ngắn hơn xe khách  - HS thực hành: Đại diện nhóm lên chọn một đồ vật tương ứng với hình ở bài tập 2.  HS thực hiện đo theo nhóm 4.  - Đại diện nhóm chia sẻ kết quả đo và trả lời câu hỏi.  - HS thực hiện cá nhân trên phiếu  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  -HS làm việc theo nhóm đôi.  -Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - HS trả lời  - HS lắng nghe |